TÒA ÁN NHÂN NHÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:151/2019/DS-PT
Ngày 23/05/2019
V/v tranh chấp:*"Hợp đồng dịch vụ"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Sum**

Ông **Nguyễn Song Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh**-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng dịch vụ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 136/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A (Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A)**.

Địa chỉ: số 85 đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải T (có mặt)

- Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E.

Theo văn bản ủy quyền số 1267/VPĐK-HCTH ngày 10/5/2019.

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K;**

Địa chỉ: số 817 ấp L, xã I, thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quí D, sinh năm 1970 - Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Phan Văn Khải M**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã M, thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Ông **Đoàn Văn C**, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp S, xã R, huyện U, tỉnh Tiền Giang.

3.3 **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.**

Địa chỉ: số 30 đường O, khu phố S, phường T, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt D - Chức vụ: Phó giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Theo văn bản ủy quyền số 185/UQ-TMN ngày 06/5/2019

4. Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo pháp luật của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A là ông Nguyễn Hải T trình bày:

Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A (viết tắt là Trung tâm) với Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K (viết tắt là Công ty đo đạc) có ký hợp đồng nguyên tắc số 01 ngày 25/5/2011 và 02 hợp đồng kinh tế:

Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/2/2012 và Phụ lục hợp đồng ngày 04/11/2013 về việc phối hợp thực hiện công tác đo đạc lập bản đồ địa chính 05 xã thuộc huyện V, tỉnh Tiền Giang, gồm: xã M1, M2, M3, M4 và xã M5 với giá trị hợp đồng là 2.853.286.250 đồng; Giá trị phụ lục hợp đồng là 2.826.642.517 đồng; Giá trị thanh lý hợp đồng là 2.582.397.837 đồng. Biên bản nghiệm thu-thanh lý hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/12/2013 do hai bên thống nhất ký tên.

Công ty đo đạc đã thanh toán cho trung tâm là 1.200.000.000 đồng, làm 05 đợt, đợt 01 ngày 28/8/2012 là 500.000.000 đồng, đợt 2 ngày 11/10/2012 là 100.000.000 đồng; đợt 3 ngày 31/12/2012 là 250.000.000 đồng, đợt 4 ngày 30/4/2013 là 200.000.000 đồng, đợt 5 ngày 31/8/2013 là 150.000.000 đồng, còn lại chưa thanh toán là 1.382.397.837 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 14/2/2013 về việc thực hiện công tác đo đạc bổ sung yếu tố địa hình vào bản đồ địa chính 03 xã và 01 phường gồm: xã N1, N2, N3 và phường N4 thị xã H, tỉnh Tiền Giang. Giá trị hợp đồng là 652.133.780 đồng; Giá trị thanh lý hợp đồng: 652.133.780 đồng. Biên bản nghiệm thu-thanh lý hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 31/12/2014 đã được hai bên thống nhất ký tên.

Công ty Đo đạc đã thanh toán đợt 1 ngày 31/7/2013 là 400.000.000 đồng, đợt 2 ngày 17/4/2015 là 100.000.000 đồng, còn lại chưa thanh toán là 152.133.780 đồng.

Tổng cộng hai hợp đồng Công ty đo đạc còn nợ là 1.534.532.617 đồng.

Từ năm 2016 đến nay, Trung tâm đã nhiều lần làm việc với ông Ngô Quí D để giải quyết nhưng không có kết quả. Nay Trung tâm yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K trả số tiền còn nợ là 1.534.531.617 đồng. Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đo đạc K là ông Ngô Quí D trình bày:

Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/2/2012: Giá trị hợp đồng là 2.853.286.250 đồng, giá trị phụ lục hợp đồng là 2.826.642.517 đồng; giá trị thanh lý hợp đồng là 2.582.397.837 đồng.

Vào năm 2013 do Thanh tra Sở kiểm tra nên Trung tâm có nhờ Công ty đo đạc ký vào Biên bản nghiệm thu-thanh lý hợp đồng ngày 20/12/2013, nhưng thực tế năm 2015 công việc mới xong. Công ty đo đạc đã thanh toán 5 đợt với số tiền 1.200.000.000 đồng, còn nợ 1.382.397.837 đồng chưa thanh toán. Tuy nhiên Công ty đo đạc không đồng ý trả số tiền trên vì phải trừ ra chi phí quản lý hỗ trợ, chi phí Công ty đo đạc mua hóa đơn, chứng từ, mướn người hoàn tất bản đồ. Trong thời gian này, ông Phan Văn Khải M (đang là Giám đốc Trung tâm) có hứa miệng là giảm trừ cho Công ty đo đạc nhưng đến nay không thấy giảm trừ số tiền nào. Thực tế, đối với Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/2/2012 Công ty đo đạc chỉ còn nợ Trung tâm 211.747.013 đồng, chỉ đồng ý trả đúng số tiền này nhưng Công ty đo đạc không có chứng từ thể hiện chỉ còn nợ 211.747.013 đồng.

Đối với hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 14/2/2013 thì Công ty đo đạc thống nhất với lời trình bày của Trung tâm. Công ty đo đạc đồng ý trả số tiền 152.133.780 đồng nhưng xin trả vào ngày 01/4/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Khải M trình bày:

Trước đây ông đã thay mặt Trung tâm ký kết hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/2/2012 và số 10/HĐKT ngày 14/2/2013 và cũng đã thanh lý hợp đồng xong. Lỗi cơ bản trong vụ việc này là của Công ty đo đạc. Hai bên có ký hợp đồng nhưng công việc kéo dài đến năm 2015, ông có hứa giảm trừ chi phí cho Công ty đo đạc nhưng Công ty không đưa ra bản chiết tính chí phí để giảm trừ. Đến khi ông chuyển công tác và ông Nguyễn Hải T lên thay thì Công ty đo đạc yêu cầu giảm trừ mà không có văn bản chứng từ nào là không được. Do ông được luân chuyển công tác khác gấp nên có một số việc chưa thực hiện được, trong đó có việc ông thỏa thuận miệng với Công ty đo đạc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV P (viết tắt là Công ty P) trình bày:

Công ty P không có ký kết hợp đồng nào với Trung tâm hoặc Công ty đo đạc, Công ty P chỉ ký kết hợp đồng số 85/HĐDVKT-BQLDAVLAP ngày 23/12/2011 với Ban quản lý dự án VLAP Tiền Giang để thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai và lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và lập hồ sơ địa chính gắp liền với đất tại 24 xã và 01 thị trấn thuộc huyện V, tỉnh Tiền Giang. Công ty P có nhờ anh D và anh M giới thiệu người làm phụ trong dự án này. Công ty P chỉ ký hợp đồng lao động với từng cá nhân mà anh D và anh M giới thiệu và khi công việc kết thúc thì Công ty P đã trả lương hoàn tất. Do đó Công ty P không liên quan gì đến vụ kiện này và xin vắng mặt ở tất cả các phiên hòa giải, xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn C trình bày:

Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/2/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 04/11/2013 và biên bản nghiệm thu-thanh lý hợp đồng kinh tế số 07, Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 14/2/2013; biên bản nghiệm thu-thanh lý hợp đồng kinh tế số 10 ngày 31/12/2014 giữa Công ty đo đạc và Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A đã được hai bên thống nhất. Các hợp đồng này đã nghiệm thu-thanh lý và xác định giá trị còn lại bên Công ty đo đạc phải thanh toán cho Trung tâm, hàng năm có biên bản đối chiếu công nợ theo quy định. Khi ông chuyển công tác đã bàn giao lại cho Trung tâm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố D đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 184, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 429, Điều 513, Điều 515, Điều 519, Điều 521, Điều 688 Bộ luật dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K phải có trách nhiệm thanh toán cho Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A tiền phí dịch vụ đo đạc theo hợp đồng số 07/HĐKT ngày 20/2/2012 là 1.382.397.837 đồng, hợp đồng số 10/HĐKT ngày 14/2/2013 là 152.133.780 đồng. Tổng cộng là 1.534.531.617 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn sáu trăm mười bảy đồng). Thực hiện ngay án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 11/12/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K (Công ty TNHH đo đạc K) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét căn cứ pháp lý của hai hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/12/2012 và số 10/HĐKT ngày 14/2/2013 là không phù hợp với chức năng hoạt động đo đạc bản đồ của Công ty TNHH đo đạc K và Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A (Trung tâm KTTN & MT A). Đề nghị tuyên bố hợp đồng vô hiệu, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 14/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D có quyết định kháng nghị số 1085/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 136/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố D. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Quí D – Đại diện theo pháp luật cho bị đơn Công ty TNHH đo đạc K có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và Kiểm sát viên có ý kiến giữ nguyên quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D.

Ông Nguyễn Hải T – Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn Trung tâm KTTN & MT A có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Khải M, đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH một thành viên P và Đoàn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ngô Quí D cho rằng, ông và ông Phan Văn Khải M – nguyên Giám đốc Trung tâm KTTN & MT A là bạn học và đồng nghiệp cũ. Năm 2012, Trung tâm KTTN & MT A bị thanh tra nên ông M có nhờ

ông ký kết một số hợp đồng kinh tế để hợp thức hóa chứng từ. Cụ thể: Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT ngày 25/5/2011; Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 20/12/2012; Phụ lục hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT ngày 04/11/2013; Biên bản nghiệm thu - thanh lý hợp đồng số 07/HĐKT ngày 20/12/2013; Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 14/02/2013; Biên bản nghiệm thu - thanh lý hợp đồng số 10/HĐKT ngày 31/12/2014; Bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 và ngày 30/12/2016. Hợp đồng cùng các văn bản mà các bên đã ký kết là giả tạo và trên thực tế thì Công ty TNHH đo đạc K cũng như Trung tâm KTTN & MT A không được phép thực hiện các công việc đã ghi trong hợp đồng; qui trình nghiệm thu và bàn giao sản phẩm ghi trong hợp đồng không phù hợp với qui định của pháp luật, nên đề nghị tuyên bố hợp đồng vô hiệu, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận thấy, theo Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số 96 ngày 31/5/2011 của Cục đo đạc và bản đồ Việt Nam cấp cho Công ty TNHH đo đạc K thì Công ty được phép *"Khảo sát, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ địa chính; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000; Khảo sát, đo đạc công trình"* (BL: 241) và theo quyết định số 2314/QĐ-STNMT ngày 04/10/2010 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang thì Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A có nhiệm vụ *"Lập dự án, đo đạc, thành lập bản đồ, hồ sơ địa chính… Thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật và tư vấn khác trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho tổ chức và cá nhân có yêu cầu"* (BL: 189 – 190). Xét nội dung công việc các bên thỏa thuận ký kết tại hợp đồng số 07/HĐKT ngày 20/02/2012 và số 10/HĐKT ngày 14/02/2013 các bên thỏa thuận là thực hiện công việc cụ thể, không trái với chức năng, nhiệm vụ được cấp phép và phân công. Trong khi đó, khoản 3 Điều 19 Luật Đất đai năm 2003 và Tiểu mục 5.2 Mục 5 Phần I Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường là qui định và hướng dẫn quản lý Nhà nước về đất đai. Do đó, ý kiến của Công ty TNHH đo đạc K và kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng, công việc các bên thỏa thuận trong hợp đồng không đúng qui định của pháp luật là không có căn cứ.

[2.2] Xét về qui trình kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, hồ sơ sản phẩm, các thỏa thuận ký kết không ghi cụ thể, chi tiết theo qui định của Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, xét hợp đồng mà các bên ký kết đảm bảo nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, trái với đạo đức xã hội, nên có hiệu lực. Theo đó, Trung tâm KTTN & MT A chỉ có nghĩa vụ thực hiện công việc và bàn giao sản phẩm công việc đúng thỏa thuận, còn việc Công ty TNHH đo đạc K sử dụng sản phẩm được hay không, hiệu quả như thế nào không buộc phía Trung tâm KTTN & MT A phải biết. Do

đó, ý kiến của ông D và kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng, qui trình kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, hồ sơ sản phẩm không ghi cụ thể theo hướng dẫn của Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nên bị vô hiệu là không phù hợp.

[2.3] Nhận thấy, tại biên bản hòa giải ngày 31/8/2018, 05/9/2018, 20/9/2018, 31/10/2018, 08/11/2018, biên bản làm việc về thỏa thuận chi phí khấu trừ HĐKT ngày 06/11/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ông D thừa nhận, hợp đồng số 07/HĐKT và số 10/HĐKT là có thật; số tiền Công ty TNHH đo đạc K đã thanh toán cho các hợp đồng, số nợ còn lại của hợp đồng số 10/HĐKT là đúng như nguyên đơn Trung tâm KTNT & MT A trình bày. Riêng đối với số tiền nợ của hợp đồng số 07/HĐKT thì ông D có ý kiến đề nghị Trung tâm giảm trừ chi phí do thời gian kéo dài. Cụ thể: Giá trị hợp đồng số 10/HĐKT là 652.133.780 đồng, đã thanh toán 500.000.000 đồng, còn nợ 152.133.780 đồng; Hợp đồng số 07/HĐKT đã thanh toán 1.200.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ chi phí quản lý, hỗ trợ, mua hóa đơn, thuê mướn nhân công hoàn tất bản đồ….Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông D trình bày sự khác biệt về nội dung, giá trị của hợp đồng số 07/HĐKT và số 10/HĐKT do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án với các hợp đồng do ông cung cấp cho Viện kiểm sát là: *Tất cả các hợp đồng đều do phía Trung tâm KTTN & MT A soạn thảo và cùng ông ký kết. Các hợp đồng ông cung cấp cho Viện kiểm sát được ký trước. Thời gian sau, ông M điện thoại báo cho ông biết nội dung, giá trị của các hợp đồng có sai sót nên kêu ông ký lại. Sau khi ông M điện thoại thì có nhân viên Trung tâm đem qua Công ty cho ông ký, nhưng không yêu cầu ông trả lại bản hợp đồng cũ. Hợp đồng mới Trung tâm cung cấp cho Tòa án và hợp đồng cũ ông cung cấp cho Viện kiểm sát, nên các hợp đồng do Trung tâm cung cấp và hợp đồng do ông cung cấp có sự khác biệt như nhận định trong Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát*. Xét lời thừa nhận của ông D trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của ông tại phiên tòa được trích dẫn nêu trên không đủ căn cứ xác định hợp đồng số 07/HĐKT và số 10/HĐKT mà các bên ký kết là giả tạo.

Vì thế, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH đo đạc K và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.4] Tuy nhiên xét thấy, hợp đồng mà các bên tranh chấp đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì pháp luật áp dụng giải quyết tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2005. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ các qui định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp là không phù hợp nên điều chỉnh lại. Đồng thời, theo Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc sáp nhập Trung tâm kỹ

thuật tài nguyên và môi trường A vào Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A kể từ ngày 11/12/2018. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 89 Bộ luật dân sự thì kể từ ngày 11/12/2018 quyền, nghĩa vụ của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A được chuyển giao cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A nên buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH đo đạc K không được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH đo đạc K và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 136/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 89 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 121, Điều 122, Điều 518, Điều 519, khoản 2 Điều 520, Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 282, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A (Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K phải có trách nhiệm thanh toán cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A (Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường A) tiền phí dịch vụ đo đạc theo hợp đồng số 07/HĐKT ngày 20/2/2012 là 1.382.397.837 đồng, hợp đồng số 10/HĐKT ngày 14/2/2013 là 152.133.780 đồng. Tổng cộng là 1.534.531.617 đồng *(một tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn sáu trăm mười bảy đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc K phải chịu 58.035.948 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 58.335.948 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp, theo biên lai thu số 0013442 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, nên phải nộp tiếp số tiền còn lại là 58.035.948 đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Tuyên án vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 23/5/2019 có mặt ông Nguyễn Hải T và ông Ngô Quí D.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP D;
- VKSND TP D;
- CC THADS TP D;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn